

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/2009/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 28 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 20/11/2005; Luật Doanh nghiệp ngày 20/11/2005; Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Luật Đất đai ngày 26/11/2003; Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp;

Xét đề nghị của sở Công Thương tại Tờ trình số 106/TTr-SCT ngày 18/12/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình”.

Điều 2. Giao sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 21/2005/QĐ-UBND ngày 25/02/2005 của UBND tỉnh Thái Bình về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn huyện, thành phố.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; các Giám đốc sở, Thủ trưởng ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hạnh Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2009/QĐ-UBND ngày 28/12/2009
của UBND tỉnh Thái Bình)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về quy hoạch, bổ sung quy hoạch, thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; đầu tư sản xuất kinh doanh và dịch vụ trong cụm công nghiệp và quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan tới quản lý và hoạt động của cụm công nghiệp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cụm công nghiệp là khu vực tập trung các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống; được đầu tư xây dựng chủ yếu nhằm di dời, sắp xếp, thu hút các doanh nghiệp ở địa phương vào đầu tư sản xuất kinh doanh; do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập. Cụm công nghiệp hoạt động theo Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan.

Cụm công nghiệp có quy mô diện tích không quá 50 (năm mươi) ha. Trường hợp cần thiết phải mở rộng cụm công nghiệp hiện có thì tổng diện tích sau khi mở rộng cũng không vượt quá 75 (bảy mươi lăm) ha.

2. Đơn vị kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp (sau đây gọi là đơn vị kinh doanh hạ tầng) là các tổ chức, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, trực tiếp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Hạ tầng cụm công nghiệp bao gồm hệ thống đường nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải, cấp điện, chiếu sáng công cộng, thông tin liên lạc nội bộ, nhà điều hành, bảo vệ và các công trình khác phục vụ hoạt động của cụm công nghiệp.

4. Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp (sau đây gọi là Doanh nghiệp) là doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, thực hiện đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

5. Trung tâm phát triển cụm công nghiệp là đơn vị sự nghiệp kinh tế có thu trực thuộc ủy ban nhân dân cấp huyện, do ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị kinh doanh hạ tầng. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

6. Diện tích đất công nghiệp là phần diện tích đất của cụm công nghiệp dành cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

7. Tỷ lệ lấp đầy là tỷ lệ giữa diện tích đất công nghiệp đã được thuê hoặc đăng ký thuê trên tổng diện tích đất công nghiệp.

Điều 3. Lĩnh vực, ngành nghề, đơn vị sản xuất được khuyến khích đầu tư trong cụm công nghiệp

1. Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản.
2. Sản xuất sản phẩm mới, sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu.
3. Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động.
4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp, nông thôn.
5. Các ngành công nghiệp phụ trợ.
6. Doanh nghiệp sản xuất áp dụng công nghệ tiên tiến, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, thân thiện với môi trường.
7. Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm cần di dời ra khỏi làng nghề, khu dân cư.
8. Các lĩnh vực, ngành nghề khác phù hợp quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và được khuyến khích theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II

QUY HOẠCH, THÀNH LẬP, MỞ RỘNG, BỔ SUNG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 4. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp

1. Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch

liên quan khác, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng Đề án quy hoạch phát triển cụm công nghiệp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thoả thuận của Bộ Công Thương.

2. Nội dung chủ yếu của Đề án quy hoạch phát triển cụm công nghiệp gồm:

- a) Căn cứ pháp lý và sự cần thiết xây dựng quy hoạch;
- b) Tổng quan về thực trạng phát triển các ngành công nghiệp, các khu công nghiệp của tỉnh;
- c) Phân tích, đánh giá hiện trạng xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp đã được quy hoạch và thành lập trên địa bàn tỉnh, bao gồm:
 - Xác định vị trí, vai trò của các cụm công nghiệp đối với phát triển kinh tế xã hội, phát triển các ngành công nghiệp của tỉnh;
 - Phân tích đánh giá những mặt đạt được, tồn tại trong việc đầu tư xây dựng và phát triển các cụm công nghiệp;
 - Dự báo các yếu tố tác động đến nhu cầu phát triển cụm công nghiệp, khả năng thu hút đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp và nhu cầu thuê đất của các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- d) Định hướng phân bố và phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm: xác định tên, địa điểm, dự kiến quy mô diện tích, khả năng bố trí đất đai, tính chất ngành nghề và các điều kiện về hạ tầng bên ngoài của các cụm công nghiệp dự kiến quy hoạch;
- e) Xác định các giải pháp, cơ chế, chính sách và đề xuất phương án tổ chức thực hiện;
- f) Đánh giá tác động môi trường chiến lược;
- g) Thể hiện các phương án quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên bản đồ quy hoạch.

3. Trình tự lập, phê duyệt và quản lý Đề án quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo các quy định hiện hành về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội. Việc công bố quy hoạch phát triển cụm công nghiệp phải được thực hiện chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt.

4. Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đã được phê duyệt là căn cứ để xem xét, quyết định thành lập cụm công nghiệp, kêu gọi đầu tư xây dựng hạ tầng, lập kế hoạch di dời các doanh nghiệp sản xuất đang gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm ra khỏi làng nghề, khu dân cư và vận động, thu hút đầu tư sản xuất, kinh doanh tại các cụm công nghiệp.

Điều 5. Thành lập cụm công nghiệp

1. Điều kiện thành lập cụm công nghiệp:

a) Có trong Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đã được phê duyệt;
b) Có khả năng đạt tỷ lệ lấp đầy không thấp hơn 30% trong vòng một năm sau khi thành lập;

c) Có chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

2. Thủ tục thành lập cụm công nghiệp:

a) Căn cứ điều kiện thành lập cụm công nghiệp, ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ gửi Sở Công Thương đề nghị thành lập cụm công nghiệp.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ thành lập cụm công nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ kèm văn bản thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hoặc không thành lập cụm công nghiệp.

Quyết định thành lập cụm công nghiệp được gửi cho Bộ Công Thương 01 (một) bản để theo dõi và chỉ đạo chung.

3. Hồ sơ thành lập cụm công nghiệp gồm:

a) Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp;

b) Báo cáo đầu tư thành lập cụm công nghiệp;

c) Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp (hoặc văn bản bổ sung quy hoạch) trên địa bàn tỉnh; các văn bản liên quan khác (nếu có).

Hồ sơ được lập thành 08 bộ, nộp tại Sở Công Thương (trong đó có 02 bộ hồ sơ gốc).

4. Nội dung chủ yếu của Báo cáo đầu tư thành lập cụm công nghiệp gồm:

- Sự cần thiết thành lập cụm công nghiệp;

- Nhu cầu thực tế và sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng v.v...);

- Hiện trạng sử dụng đất, sử dụng đất trồng lúa và định hướng bố trí các ngành nghề, cơ cấu sử dụng đất và dự kiến thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp;

- Dự kiến ranh giới, diện tích đất, việc đấu nối công trình hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào; báo cáo đánh giá tác động môi trường của cụm công nghiệp; định hướng sơ bộ, phân tích và lựa chọn giải pháp đầu tư các công trình hạ tầng dùng chung trong cụm công nghiệp;

- Dự kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;
- Dự kiến hiệu quả về kinh tế, xã hội của cụm công nghiệp;
- Xác định sơ bộ nguồn vốn đầu tư, chủ đầu tư và phương thức thực hiện, phương thức quản lý đầu tư xây dựng và khai thác hạ tầng cụm công nghiệp.
- Dự kiến khả năng cho thuê đất sau khi thành lập;
- Các giải pháp và tiến độ thực hiện.

Điều 6. Mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện mở rộng cụm công nghiệp:

- a) Có quỹ đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện, thành phố đáp ứng nhu cầu mở rộng cụm công nghiệp;
- b) Nhu cầu thuê đất công nghiệp trong cụm công nghiệp vượt quá diện tích đất công nghiệp hiện có của cụm công nghiệp;
- c) Đã đạt tỷ lệ lấp đầy ít nhất 60% (sáu mươi phần trăm);
- d) Đã có công trình xử lý nước thải tập trung đối với cụm công nghiệp có diện tích từ 15 (mười lăm) ha trở lên.

2. Thủ tục mở rộng cụm công nghiệp:

- a) Căn cứ điều kiện mở rộng cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ gửi Sở Công Thương đề nghị mở rộng cụm công nghiệp.
- b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ mở rộng cụm công nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ kèm văn bản thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mở rộng hoặc không mở rộng cụm công nghiệp.

Quyết định mở rộng cụm công nghiệp được gửi cho Bộ Công Thương 01 (một) bản để theo dõi và chỉ đạo chung.

3. Hồ sơ mở rộng cụm công nghiệp gồm:

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc mở rộng cụm công nghiệp;
- Báo cáo đầu tư mở rộng cụm công nghiệp, bao gồm: Sự cần thiết mở rộng cụm công nghiệp, trong đó giải trình về việc đáp ứng các điều kiện mở rộng cụm công nghiệp được quy định tại Khoản 1 của Điều này; đánh giá hiện trạng phát triển cụm công nghiệp hiện có; định hướng mở rộng cụm công nghiệp (ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất, việc đấu nối công trình hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư); xác định sơ bộ nguồn vốn đầu tư và

phương thức thực hiện; các giải pháp và tiến độ thực hiện; dự kiến khả năng cho thuê đất và hiệu quả về kinh tế, xã hội của cụm công nghiệp sau khi mở rộng.

Hồ sơ được lập thành 08 bộ, nộp tại Sở Công Thương (trong đó có 02 bộ hồ sơ gốc).

Điều 7. Bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp

1. Điều kiện bổ sung cụm công nghiệp mới vào quy hoạch đã được phê duyệt:

a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch liên quan khác trên địa bàn;

b) Tỷ lệ lấp đầy bình quân của các cụm công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn huyện, thành phố đạt ít nhất 60% (sáu mươi phần trăm);

c) Còn quỹ đất công nghiệp đủ để thành lập cụm công nghiệp mới;

d) Có nhu cầu thuê đất để đầu tư sản xuất, kinh doanh theo đúng định hướng quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, nhưng các cụm công nghiệp hiện đang hoạt động tại huyện, thành phố không đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư (vị trí, diện tích, ngành nghề sản xuất...).

2. Thủ tục bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp:

a) Căn cứ các điều kiện bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ gửi Sở Công Thương đề nghị bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan xem xét sự cần thiết bổ sung cụm công nghiệp, sự phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thoả thuận của Bộ Công Thương.

Quyết định phê duyệt bổ sung quy hoạch các cụm công nghiệp được gửi cho Bộ Công Thương 01 (một) bản để theo dõi và chỉ đạo chung.

3. Hồ sơ bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp gồm:

- Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp;

- Báo cáo bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp, bao gồm: sự cần thiết mở rộng cụm công nghiệp, trong đó giải trình về việc đáp ứng các điều kiện bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp được quy định tại Khoản 1 của Điều này; định hướng phân bố và phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn, bao gồm: xác định tên, vị trí, dự kiến quy mô diện tích, hiện trạng sử dụng đất, đất trồng lúa, tính chất ngành nghề thu hút và các điều kiện về hạ tầng bên ngoài của các cụm công nghiệp dự kiến quy hoạch;

Hồ sơ được lập thành 08 bộ, nộp tại Sở Công Thương (trong đó có 02 bộ hồ sơ gốc).

Chương III

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 8. Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

Trước khi lập dự án đầu tư xây dựng, phải tiến hành lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước về quy hoạch xây dựng.

Điều 9. Đơn vị kinh doanh hạ tầng

1. Việc lựa chọn đơn vị kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp được xác định trong giai đoạn thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

2. Trường hợp cụm công nghiệp dự kiến thành lập, mở rộng không có đơn vị kinh doanh hạ tầng thì Trung tâm phát triển cụm công nghiệp là đơn vị thực hiện chức năng kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

Điều 10. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình

Nội dung, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.

Phần nội dung đánh giá tác động môi trường của dự án phải được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị kinh doanh hạ tầng

1. Đơn vị kinh doanh hạ tầng có quyền:

a) Vận động đầu tư vào cụm công nghiệp trên cơ sở quy hoạch chi tiết đã được duyệt;

b) Huy động vốn để đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Cho thuê lại đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

d) Đầu tư nhà xưởng trong cụm công nghiệp để cho thuê hoặc bán cho các doanh nghiệp;

e) Kinh doanh các dịch vụ công cộng, tiện ích khác trong cụm công nghiệp phù hợp với nội dung của giấy chứng nhận đầu tư và đăng ký kinh doanh được cấp;

g) Quyết định giá cho thuê lại, chuyển nhượng đất, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng và các loại phí sử dụng dịch vụ công cộng, tiện ích khác. Trường hợp cụm

công nghiệp do Trung tâm phát triển cụm công nghiệp quản lý và kinh doanh hạ tầng thì giá cho thuê lại đất, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng và các loại phí sử dụng dịch vụ công cộng, tiện ích khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định;

h) Hưởng các ưu đãi về đầu tư, các ưu đãi thuế, tiền thuê đất và hỗ trợ khác theo quy định của nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Đơn vị kinh doanh hạ tầng có nghĩa vụ:

a) Triển khai thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo đúng qui hoạch chi tiết đã được phê duyệt và tiến độ ghi trong dự án theo qui định của Luật Đất đai; trong trường hợp quá thời hạn qui định, Đơn vị kinh doanh hạ tầng phải xin phép gia hạn và được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Duy tu, bảo dưỡng các công trình kết cấu hạ tầng trong cụm công nghiệp trong suốt thời gian hoạt động; cung cấp các dịch vụ liên quan đến đầu tư trong cụm công nghiệp; cung cấp các dịch vụ, tiện ích phục vụ sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp (nếu có);

c) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê, bảo hiểm, lao động, tiêu chuẩn về xây dựng; quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ...;

d) Đầu mối giúp các doanh nghiệp trong việc đăng ký đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư vào cụm công nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cụm công nghiệp, Sở Công thương và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trung tâm phát triển cụm công nghiệp

1. Nhiệm vụ:

a) Quản lý quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp đã được phê duyệt; lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật chung trong các cụm công nghiệp, xây dựng Điều lệ quản lý hoạt động cho từng cụm công nghiệp trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

b) Vận động đầu tư; đầu mối trong việc hướng dẫn giúp các doanh nghiệp các thủ tục đầu tư vào cụm công nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

c) Quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong các cụm công nghiệp theo đúng kế hoạch dự toán, thiết kế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thu phí hạ tầng theo qui định của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức các hoạt động, dịch vụ có thu phí trong các cụm công nghiệp để phục vụ cho việc quản lý, khai

thác, bảo trì các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

d) Đầu mối trong việc giới thiệu giúp các doanh nghiệp, tuyển dụng lao động; đầu mối liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết việc đình công, lãn công trong cụm công nghiệp.

e) Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của huyện, thành phố, của tỉnh và chính quyền cấp xã có cụm công nghiệp trong việc kiểm tra, thanh tra các hoạt động của doanh nghiệp theo qui định; quản lý lao động, an toàn lao động, bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, chấp hành các chính sách, pháp luật của nhà nước; giải quyết các tranh chấp trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

f) Theo dõi, giám sát việc thực hiện thi công xây dựng các công trình sản xuất, kinh doanh, đảm bảo đúng thiết kế được duyệt; đôn đốc nhà đầu tư xây dựng đúng tiến độ.

g) Theo dõi hoạt động của các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

2. Cơ cấu tổ chức:

a) Cơ cấu tổ chức: Trung tâm phát triển cụm công nghiệp có 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc, cán bộ, chuyên viên và tổ quản lý tại các cụm công nghiệp. Biên chế của Trung tâm phát triển cụm công nghiệp là biên chế sự nghiệp; số lượng biên chế từ 5-7 người (tuỳ theo qui mô). Giám đốc, Phó Giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bổ nhiệm.

b) Kinh phí hoạt động do ngân sách huyện, thành phố cấp từ nguồn ngân sách nhà nước (trên cơ sở biên chế được duyệt) và được bổ sung bằng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ (nếu có).

Chương IV

ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ TRONG CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 13. Tiếp nhận dự án đầu tư sản xuất vào cụm công nghiệp

Các Doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất tại cụm công nghiệp liên hệ với Trung tâm phát triển cụm công nghiệp hoặc đơn vị kinh doanh hạ tầng để được hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, giá đất, nhà xưởng trong cụm công nghiệp và ký kết hợp đồng thoả thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến cho thuê để triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

Điều 14. Sử dụng đất trong cụm công nghiệp

Các Doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất trong cụm công nghiệp liên hệ với Trung tâm phát triển cụm công nghiệp hoặc đơn vị kinh doanh hạ tầng để được hướng

dẫn làm thủ tục thuê đất hoặc giao đất (đã đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng) theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có quyền:

a) Được sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất trong cụm công nghiệp theo quy định của Luật Đất đai; cho thuê lại hoặc chuyển nhượng phần đất, nhà xưởng và tài sản của mình trên đất thuê theo các quy định của pháp luật;

b) Sử dụng có trả tiền các công trình kết cấu hạ tầng, các dịch vụ công cộng và các dịch vụ khác trong cụm công nghiệp theo quy định;

c) Góp vốn để xây dựng và kinh doanh hạ tầng theo thoả thuận với đơn vị kinh doanh hạ tầng;

d) Được hỗ trợ và tạo điều kiện trong việc tuyển dụng, đào tạo lao động phục vụ yêu cầu sản xuất, kinh doanh;

e) Hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ:

a) Sử dụng đất, triển khai thực hiện dự án đầu tư và các hoạt động sản xuất kinh doanh đúng với nội dung đăng ký đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư được cấp;

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo qui định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê, bảo hiểm, lao động; qui định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ...;

c) Tham gia tích cực vào việc thu hút lao động, giải quyết việc làm tại địa phương nơi có cụm công nghiệp, trước hết đối với lao động thuộc diện chính sách và của hộ gia đình bị thu hồi đất để xây dựng cụm công nghiệp;

d) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cụm công nghiệp, Sở Công Thương và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

Các dịch vụ công cộng, tiện ích như bảo vệ, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật trong cụm công nghiệp và các dịch vụ tiện ích khác do đơn vị kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp tổ chức thực hiện. Mức phí sử dụng các dịch vụ công ích, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thoả thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa các doanh nghiệp sử dụng dịch vụ và đơn vị kinh doanh hạ tầng.

Điều 17. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh

Quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật. Việc kiểm tra, thanh tra chuyên ngành đối

với Doanh nghiệp được thực hiện theo kế hoạch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 18. Nội dung quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp

1. Xây dựng, ban hành, phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của cụm công nghiệp.

2. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển cụm công nghiệp.

3. Cấp, điều chỉnh, thu hồi các loại giấy chứng nhận đầu tư, các loại giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận liên quan đến hoạt động của cụm công nghiệp.

4. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dịch vụ công hỗ trợ hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp.

5. Xây dựng và quản lý thông tin về cụm công nghiệp; chỉ đạo các hoạt động xúc tiến đầu tư vào cụm công nghiệp.

6. Tổ chức bộ máy, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước về cụm công nghiệp.

7. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, xử lý vi phạm và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, hoạt động và phát triển cụm công nghiệp.

Điều 19. Trách nhiệm của sở, ngành liên quan

1. Sở Công Thương: Là cơ quan đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển cụm công nghiệp.

b) Thẩm định hồ sơ thành lập, mở rộng, bổ sung cụm công nghiệp.

c) Đề xuất và thực hiện các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến phát triển cụm công nghiệp.

d) Tổng hợp, đánh giá và báo cáo tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn.

e) Quản lý hoạt động của các Doanh nghiệp trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết các thủ tục đầu tư cho nhà đầu tư theo quy định tại Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về thực hiện cơ chế một cửa liên thông của tỉnh trong hoạt động đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư và xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn đơn vị kinh doanh hạ tầng xây dựng phương án giá thuê đất có hạ tầng (phí sử dụng hạ tầng), các phí dịch vụ khác trong cụm công nghiệp.

b) Hướng dẫn các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp thực hiện chế độ tài chính, kế toán theo qui định của pháp luật.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết các thủ tục đầu tư cho nhà đầu tư theo quy định tại Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 11/12/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về thực hiện cơ chế một cửa liên thông của tỉnh trong hoạt động đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện các quy định của Nhà nước và của tỉnh về đất đai, môi trường và xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

5. Sở Xây dựng:

a) Hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép xây dựng và kiểm tra giám sát xây dựng theo thẩm quyền.

b) Hướng dẫn, thẩm định nhiệm vụ qui hoạch, đồ án qui hoạch chi tiết xây dựng các cụm công nghiệp theo thẩm quyền; tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

c) Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và các dự án đầu tư xây dựng công trình trong cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá trình độ công nghệ, thẩm định, giám định công nghệ các dự án đầu tư theo qui định của pháp luật.

b) Hướng dẫn chuyển giao công nghệ, phát triển thị trường công nghệ, phương pháp quản lý chất lượng, hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo qui định.

7. Các sở, ngành có liên quan thực hiện việc giám sát, hướng dẫn công tác quản lý cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với các cụm công nghiệp trên địa bàn gồm:-

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về toàn bộ hoạt động quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp.

2. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn trực thuộc, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hỗ trợ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư... để nhanh chóng triển khai xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn.

3. Chỉ đạo lập hồ sơ thành lập, mở rộng, bổ sung quy hoạch cụm công nghiệp trên địa bàn; chỉ đạo lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng và tổ chức triển khai đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp trên địa bàn sau khi được duyệt. Tham gia xây dựng quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn khác.

5. Vận động đầu tư; lựa chọn, xét duyệt các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

6. Kiểm tra, thanh tra hoạt động của doanh nghiệp theo thẩm quyền.

7. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo qui định.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cụm công nghiệp

1. Phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của huyện trong việc qui hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp.

2. Tham gia lập phương án và tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định trên địa bàn để xây dựng cụm công nghiệp.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Tổ chức, cá nhân vi phạm các điều khoản trong Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Các tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo đối với các quyết định và hành vi trái với các qui định trong Quy chế này. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết các khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo qui định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 24. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi Quy chế này có hiệu lực, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chuyển đổi các mô hình quản lý cụm công nghiệp hiện có, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để phù hợp với quy định của Quy chế này.

Điều 25. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hạnh Phúc